

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 94/2023/DS-PT

Ngày: 29 - 6 - 2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đức Hòa

Ông Trần Minh Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐ-PT ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông V.T.Ch, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H.Đ.Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: 103 H.T.L.Ô, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông T.Đ.H, sinh năm 1996; Địa chỉ: 573/1 B.G, phường T.N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà V.T.T.Ph, sinh năm 1974; Địa chỉ: 573/1 B.G, phường T.N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

- Người làm chứng: Ông V.T.H1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 3, thôn Q.T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông T.Đ.H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông V.T.Ch trình bày: Ông Ch và bà Ph là anh em ruột. Cha của ông là V.T.T và mẹ là T.T.A (chết năm 2019). Ông T.Đ.H là con của bà Ph.

Khoảng năm 1983, cha mẹ ông Ch từ miền tây về huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống và có nhận chuyển nhượng khoảng 19.000m² đất của bà Th2, đất tại xã N, huyện Đ ngày nay. Đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B541972 ngày 10/12/1992 với diện tích 19.996m². Gia đình làm nhà ở và canh tác cho đến năm 2005 thì phân chia quyền sử dụng đất cho các anh chị em. Cha mẹ ông chia cho 8 anh chị em, mỗi người một diện tích đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng ông đã được cha mẹ ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 3.036m² thửa 730, tờ bản đồ số 36, xã N, được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực ngày 21/12/2006. Ông được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích nêu trên.

Ngày 20/9/2012, ông tách thửa 730 thành 02 thửa gồm: Thửa 730 diện tích 1.978m² (đã trừ diện tích hiện đường hẻm 96m²) và Thửa 886, tờ bản đồ số 36, diện tích 962m² xã N, huyện Đ. Năm 2019, ông chuyển nhượng diện tích của thửa 730 cho người khác, còn lại thửa 866 thì ông xây 01 căn nhà, diện tích còn lại để trống. Giáp ranh với đất của ông H thì ông đã đổ 02 trụ sắt để làm ranh giới, hiện nay vẫn còn. Thửa đất 886 có tứ cận như sau: hướng bắc: giáp đất của ông V.T.H1 20m, bà L 6m, ông T2; hướng đông: giáp đường đi hẻm 3m; hướng nam giáp ruộng của bà B.B C; hướng tây giáp đất mẹ ông.

Nay ông yêu cầu ông H trả lại diện tích đất 47m² theo ranh giới theo mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất của chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 23/3/2020.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn bà V.T.T.Ph trình bày: Bà và ông Ch là anh em ruột. Cha của bà là V.T.T và mẹ của bà là T.T.A (mất năm 2019). Gia đình có 09 anh chị em, bà là con thứ 9 của gia đình. Ông T.Đ.H là con của bà.

Về nguồn gốc đất: Đúng như ông Ch đã trình bày. Quyền sử dụng đất do cha mẹ nhận chuyển nhượng lại và khi về già, cha mẹ bà đã phân chia cho các con, ai cũng có phần đất riêng. Diện tích đất cha mẹ tặng cho nhiều hay ít là tùy thuộc vào vị trí của phần đất được chia so với mặt đường lớn. Trước đó, khoảng năm 2003, cha bà đã hiến đất để làm đường giao thông. Diện tích không rõ, chiều rộng khoảng 2m. Riêng bà được cha mẹ ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 800m². Đối với thửa đất đang bị tranh chấp có nguồn gốc cha mẹ bà chia cho em trai là V.T.H1 diện tích 1598m² thửa 731, tờ bản đồ 36, xã N, huyện Đ. Ông H1 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/5/2007.

Năm 2008, ông H1 đã tách diện tích nêu trên thành 2 thửa có diện tích như sau: Thửa 767/559 và thửa 731/999. Ngày 24/7/2008, ông H1 chuyển nhượng cho ông D.V.Ch1 diện tích 600m² (đo vẽ là 599m²). Đến ngày 01/10/2008, ông Ch1 được cấp giấy. Ngày 19/01/2018, ông Ch1, bà O chuyển nhượng cho T.Đ.H toàn bộ diện tích đất nêu trên, cập nhật sang tên ngày 15/3/2018. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông Ch1,

thì bà đã thấy cột mốc rõ ràng và đã canh tác trồng cây ăn trái và hoa màu trên đất từ đó tới nay. Hiện nay cột mốc bê tông vẫn còn. Thửa đất 767/599 có tứ cận như sau: hướng bắc giáp đất của ông C (ông C đã rào lưới B40); hướng đông giáp thửa 716 (đã rào lưới B40); hướng nam giáp đất của ông Ch; hướng tây giáp đất mẹ bà là T.T.A (đã có ranh lưới B40) và 01 thửa 962 do ông H đứng tên.

Căn cứ pháp lý: Ông H căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 767/599m². Diện tích cấp giấy bao nhiêu thì bà sử dụng bấy nhiêu, bà không lấn đất của ai. Căn cứ thực tế: Khi nhận chuyển nhượng đất, các chủ đất trước đã đóng cọc vào 4 góc của thửa đất. Hiện nay cọc bê tông vẫn còn.

Từ căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế nêu trên bà cho rằng diện tích 47m² mà các bên đang tranh chấp thuộc phần đất của thửa 767. Do đó, bà đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông V.T.Ch.

Bà đồng ý với sơ đồ vị trí khu đất ngày 23/3/2020 và đồng ý với biên bản định giá.

- Người làm chứng ông V.T.H1 trình bày: Về mối quan hệ gia đình đúng như ông Ch và bà Ph trình bày.

Về nguồn gốc đất: Diện tích 559m² thửa 767, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 988673 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2008 cho ông V.T.H1 là do ba mẹ của ông tặng cho. Lúc đầu diện tích là 1.598m² thuộc thửa 731 tờ bản đồ số 36 xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến năm 2008, ông tách thành 2 thửa, thửa 767 diện tích 599m² và thửa 731 diện tích 999m². Ngày 24/7/2008, ông chuyển nhượng thửa 767 cho ông D.V.Ch1, sau đó ông Ch1 chuyển nhượng cho ông H. Toàn bộ quá trình tặng cho và tách thửa ông đều đo vẽ và có sơ đồ cụ thể.

Quá trình sử dụng từ năm 2007, ông đã cắm mốc bê tông xung quanh đất và qua 2 lần chuyển nhượng cột mốc vẫn nguyên vẹn, không dịch chuyển thay đổi.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định như sau:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.T.Ch về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông T.Đ.H.

+ Công nhận cho ông V.T.Ch được quyền sử dụng diện tích 47m² (ký hiệu là C/886 từ điểm 1, 2, 3, 4) thửa số 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ (theo mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất).

Các đương sự có liên quan có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng về quản lý đất đai để chỉnh lý quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 06/01/2023, ông H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án thể hiện đất của nguyên đơn và bị đơn đều có chung nguồn gốc là thửa 652/18.595m² do ông V.T.T tách thửa. Quá trình tách thành thửa 730 và thửa 731, ông T đều chỉ ranh đo vẽ thể hiện tại Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/1000 ngày 02/10/2006 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường.

Bị đơn cho rằng khi ông Ch1 chuyển nhượng đất cho ông H thì đã có cột mốc rõ ràng, ông H đã trồng cây ăn trái và hoa màu từ đó cho đến nay. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì trên phần đất tranh chấp là đất trống. Do đó, cột mốc mà bị đơn cho là ranh đất để sử dụng cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để công nhận ranh đất theo hiện trạng sử dụng đất thực tế tại Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo mảnh trích đo ngày 23/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thể hiện: Diện tích đất tranh chấp là 47m² thuộc thửa 886 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910442 cho ông V.T.Ch. Diện tích đất còn lại của nguyên đơn không có tranh chấp là 915m², cộng với diện tích đất tranh chấp 47m² là bằng với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 962m². Do đó, Tòa án nhân cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên công nhận cho ông Ch được quyền sử dụng diện tích đất 47m² thuộc thửa 886 là không phù hợp, cần sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông T.Đ.H phải trả lại cho ông V.T.Ch diện tích đất 47m² thuộc thửa 886 mà nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T.Đ.H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn:

Ông V.T.Ch là chủ sử dụng diện tích đất 962m² thửa 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910442 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 20/9/2012. Nguồn gốc do cha, mẹ là ông V.T.T và bà T.T.A tặng cho ngày 21/12/2006.

Ông T.Đ.H là chủ sử dụng diện tích đất 559m² thửa 767, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 988673 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2008 cho ông V.T.H1; ngày 01/10/2008, chỉnh lý chuyển nhượng sang tên ông D.V.Ch1; ngày 15/03/2018 chỉnh lý chuyển nhượng sang tên ông T.Đ.H.

Ông Ch yêu cầu ông H trả lại cho ông Ch diện tích đất lấn chiếm là 47m² thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận ngày 23/3/2020.

Ông H cho rằng thửa đất ông đang sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, quá trình sử dụng đất không lấn chiếm đất của ông Ch. Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình mà ranh giới giữa hai thửa đất được thể hiện bằng cọc bê tông được thiết lập từ nhiều năm nay, qua nhiều chủ trước. Quá trình sử dụng các chủ sử dụng đất cũ không tranh chấp, ông Ch cho rằng ông H lấn chiếm đất là không có căn cứ nên ông H không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Qua ý kiến yêu cầu của các bên, thấy: Theo mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận ngày 23/3/2020 thể hiện phần đất tranh chấp từ điểm 1, 2, 3, 4 có diện tích 47m² thuộc thửa 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910442 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Ch ngày 20/9/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 988673 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/7/2008 cho ông V.T.H1, chỉnh lý chuyển nhượng sang tên ông T.Đ.H ngày 15/03/2018 và mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận ngày 23/3/2020 thì phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông V.T.Ch.

Theo Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về ranh giới giữa các bất động sản liền kề: “Việc xác định ranh giới sẽ dựa trên thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp”; Theo khoản 1 Điều 170 của Luật Đất đai thì chủ sử dụng đất có nghĩa vụ: “Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất...”.

Như vậy, việc xác định ranh đất theo ý kiến của ông H “ranh giới giữa hai thửa đất được thể hiện bằng cọc bê tông được thiết lập từ nhiều năm nay, qua nhiều chủ trước, quá trình sử dụng các chủ sử dụng đất cũ không tranh chấp” không thuộc trường hợp theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp và không thuộc trường hợp theo thỏa thuận. Do vậy xác định ranh đất là theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất những người sử dụng trước đó và ông H không sử dụng đúng ranh giới thửa đất mình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà sử dụng lấn sang một phần thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Ch diện tích 47m² từ điểm 1,2,3,4 mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức xác nhận ngày 23/3/2020.

Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông Ch quyền sử dụng đất diện tích 47m² thuộc một phần thửa số 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ký hiệu là C/886 từ điểm 1, 2, 3, 4 mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 23/3/2020).

Án sơ thẩm tuyên “công nhận cho ông V.T.Ch được quyền sử dụng diện tích đất 47m² (ký hiệu là C/886 từ điểm 1, 2, 3, 4) thửa số 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ (theo mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất); Các đương sự có liên quan có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng về quản lý đất đai để chỉnh lý quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật” là không phù hợp, vì ông Ch đã được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy cần tuyên buộc ông H trả lại phần đất này cho ông Ch là bảo đảm. Sửa lại nội dung này của bản án sơ thẩm.

[2] Về chi phí đo vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và sao lục tài liệu, chứng cứ tổng cộng 14.429.671 đồng. Ông Ch đã tạm ứng 12.604.064 đồng, ông H đã tạm ứng 1.825.607 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Ch được chấp nhận nên ông H phải chịu toàn bộ. Ông H có nghĩa vụ trả cho ông Ch số tiền 12.604.064 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Ch được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T.Đ.H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 166, 170, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 27, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.T.Ch về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông T.Đ.H.

Ông T.Đ.H có nghĩa vụ trả lại cho ông V.T.Ch quyền sử dụng đất diện tích 47m² thửa số 886, tờ bản đồ số 36, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ký hiệu là C/886 từ điểm 1, 2, 3, 4 mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 23/3/2020).

2. Chi phí đo vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và sao lục tài liệu, chứng cứ là 14.429.671 đồng. Ông T.Đ.H có nghĩa vụ trả cho ông V.T.Ch số tiền 12.604.064 đồng (mười hai triệu sáu trăm linh bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T.Đ.H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T.Đ.H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000674 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- TAND huyện Châu Đức;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tâm